TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 01/3/2023
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Sỹ

2. Bà Trương Thị Hồng Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Như Mai Trang - *Kiểm sát viên*

Ngày 01 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về "*tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1980 (có mặt)

Địa chỉ*:* Tổ 3, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 7 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà D tự nguyện chung sống với ông Nguyễn Chí T và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện L vào năm 2002. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc vã đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay nhận thấy không thể tiếp tục sống chung được nữa nên bà D xin ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà D và ông T có 03 con chung tên: Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 30/12/2000, Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 20/5/2006, Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh ngày 10/11/2012. Khi ly hôn, bà D xin nuôi hai người con chung tên Nguyễn Thị Thu T và Nguyễn Thị Cẩm T1, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con tên Nguyễn Thị Cẩm T đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Hiện bà D không mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Ngoài ra không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác trong vụ án.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Chí T vắng mặt không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt làm việc. Căn cứ biên bản xác minh ngày 23/11/2022 của Tòa án xác minh tại Công an xã L xác định: ông Nguyễn Chí T có đăng ký hộ khẩu tại ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, ông T đi làm ăn xa, đi đâu làm gì địa phương không biết nhưng thỉnh thoảng có về địa phương.

Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho ông T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ và không có mặt theo các thông báo, quyết định của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành pháp luật, Tòa án đã tiến hành niêm yết theo luật định. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội Đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

+ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Chí T.

+ Về con chung: Giao con tên Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 20/5/2006, Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh ngày 10/11/2012 cho bà D nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bà Nguyễn Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết về nuôi con chung với ông Nguyễn Chí T nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét ông T cư trú tại xã L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 16/5/2002 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà D, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo đơn khởi kiện và lời khai của bà D trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì giữa bà D và ông T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân từ khoảng tháng 9 năm 2019 cho đến nay. Đối với ông T, tại phiên Tòa ông T vắng mặt, trong quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông T không đến làm việc cũng như tham gia hòa giải để đưa ra ý kiến và biện pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Theo biên bản xác minh của Tòa án xác minh tại địa phương thì hiện ông T và bà D không còn sống chung với nhau. Như vậy, có căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông T đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

[4] Về con chung: Bà D và ông T có 03 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 30/12/2000, Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 20/5/2006, Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh ngày 10/11/2012. Cháu Cẩm T đã trưởng thành và có khả năng lao động, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết việc xem xét nuôi con chung đối với cháu Cẩm T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Nguyễn Thị Thu T và Nguyễn Thị Cẩm T1 hiện sống chung với bà D và ông, bà nội, khi ly hôn bà D yêu cầu được nuôi con. Xét trong quá trình giải quyết vụ án ông T không đến làm việc cũng không có văn bản ý kiến về việc nuôi con chung. Cháu Thu T và cháu Cẩm T1 đã trên 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân

sự, hai cháu có nguyện vọng được sống chung với bà D. Do đó, xét yêu cầu của bà D về việc xin tiếp tục nuôi dưỡng hai con là phù hợp, đảm bảo cuộc sống ổn định và điều kiện về mọi mặt của con theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà D phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Chí T.

2. Về con chung: Giao con tên Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 20/5/2006, Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh ngày 10/11/2012 cho bà D nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo luật định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà D chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0010124 ngày 07/11/2022.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :
-TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Khánh Duyên